

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỠ CHÂU
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **07/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 24 - 5 - 2024

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỠ CHÂU – TỈNH NGHỆ AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đông

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Vi Anh Tú.

2/ Bà Lô Thị Hà.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vi Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Trần Hoàng Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 06/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lô Thị N**, sinh năm: 1994.

Nơi ĐKKHKT: Bản P, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Tạm trú tại: Bản X, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Vi Văn D**, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Bản P, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Đang chấp hành án phạt tù tại Đội HM – Phân trại H – Trại giam Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2024 và qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lô Thị N trình bày:

Chị Lô Thị N đăng ký kết hôn với anh Vi Văn D vào ngày 12/9/2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, sau đó giữa vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân trong cuộc sống chung hàng ngày anh D không chịu khó làm ăn, vun vén xây dựng hạnh phúc

gia đình mà thường xuyên theo bạn bè chơi bời, sa vào tệ nạn xã hội sử dụng chất ma túy, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, va chạm, mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, tuy đã được khuyên nhủ nhiều nhưng anh D vẫn không thay đổi dẫn đến vi phạm pháp luật bị xử phạt tù, từ lúc anh D đi chấp hành hình phạt tù chị đưa con chung về nhà bố mẹ đẻ sống cho đến nay, nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn để có thể tiếp tục hàn gắn, xây dựng hạnh phúc lâu dài nên chị giữ nguyên yêu cầu đề nghị giải quyết ly hôn đối với anh Vi Văn D.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau, giữa chị N và anh D có 02 người con chung là Vi Văn K, sinh ngày 02/9/2013 và Vi Khánh P, sinh ngày 11/5/2016. Giải quyết ly hôn chị Năm đề nghị giao cả hai người con chung cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng và chị không yêu cầu buộc anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong đơn khởi kiện, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án chị Lô Thị N trình bày giữa hai bên không có tranh chấp gì về phần tài sản và nợ chung của vợ chồng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo nội dung bản tự khai bị đơn anh Vi Văn D trình bày: Anh và chị Lô Thị N đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 12/9/2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Theo anh D sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn, sau khi anh D vi phạm pháp luật bị xử phạt tù, trong thời gian đang chấp hành hình phạt tại trại giam anh D không rõ nguyên nhân, lý do vì sao chị N có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với mình, bản thân anh thấy giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì đến mức nghiêm trọng và vẫn còn tình cảm với chị N nên mong muốn vợ chồng quay trở lại đoàn tụ, tiếp tục chung sống nuôi con. Do đó, anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị Lô Thị N.

Anh D và chị N có với nhau 02 người con chung là Vi Văn K, sinh ngày 02/9/2013 và Vi Khánh P, sinh ngày 11/5/2016. Bản thân anh Vi Văn D có ý kiến không đồng ý ly hôn nên không đề nghị giải quyết về con chung, trường hợp Tòa án giải quyết cho chị N ly hôn thì anh D đề nghị giao cả hai người con chung cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh không yêu cầu chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Đối với phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, anh D không có yêu cầu hay tranh chấp gì nên anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu tại phiên tòa: Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc tiến hành thủ tục tố tụng tại phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có mặt tham gia giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, tuân thủ đúng quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, trước

khi phiên tòa được đưa ra xét xử các bên đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó việc xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; 35; 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để xét xử:

Về quan hệ hôn nhân, chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lô Thị N được ly hôn với anh Vi Văn D.

Giao 02 người con chung là Vi Văn K, sinh ngày 02/9/2014 và Vi Khánh P, sinh ngày 11/5/2016 cho chị Lô Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Vi Văn D, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự thống nhất ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Buộc nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định nội dung khởi kiện, chị Lô Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Vi Văn D, đề nghị giao các con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần tài sản chung của vợ chồng. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[1.2] Bị đơn anh Vi Văn D có nơi đăng ký thường trú và địa chỉ tại bản P, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam Đ, tỉnh Quảng Bình, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Trước khi vụ án được đưa ra xét xử nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng tại phiên tòa theo đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lô Thị N và anh Vi Văn D đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 12/9/2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân giữa hai bên hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo về điều kiện kết hôn và đăng ký đúng thủ tục quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa hai bên được công nhận hợp pháp.

Nguyên nhân, lý do yêu cầu giải quyết ly hôn: Theo ý kiến trình bày của nguyên đơn chị Lô Thị N, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống một thời gian ngắn sau đó bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bản thân anh D không tu chí làm ăn xây dựng hạnh phúc gia đình mà thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời, dẫn đến sa vào tệ nạn xã hội bị xử phạt tù buộc chấp hành án phạt tại trại giam Đ, trong thời gian anh D đi chấp hành án phạt tù chị N đưa các con về nhà bố, mẹ đẻ sinh sống, hai bên không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chị xác định giữa vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không có hạnh phúc và tương lai về sau, do đó chị N kiên quyết giữ nguyên yêu cầu đề nghị được giải quyết ly hôn đối với anh Vi Văn D. Bị đơn anh Vi Văn D cho rằng giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, xác định vẫn còn tình cảm với chị N nên mong muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ để tiếp tục nuôi con chung.

Xét thấy, trong thời gian chung sống với nhau giữa vợ chồng tồn tại nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải, bên bị đơn có hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, do đó cần chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Lô Thị N đối với anh Vi Văn D.

[4] Về con chung: Chị N và anh D có 02 người con chung là Vi Văn K, sinh ngày 02/9/2013 và Vi Khánh P, sinh ngày 11/5/2016, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị N đề nghị giao hai người con chung cho chị quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Bị đơn anh Vi Văn D không đồng ý giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh D có ý kiến trình bày nếu chấp nhận yêu cầu cho chị N giải quyết ly hôn với anh thì đề nghị giao cả hai người con chung cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu chị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy rằng, việc xem xét giao nuôi con chung chưa thành niên sau khi vợ chồng ly hôn cần đảm bảo điều kiện môi trường sinh sống, học tập và quyền lợi tốt nhất về mọi mặt cho các con chung về sau này, không làm ảnh hưởng nhiều đến tâm sinh lý của các con chưa thành niên đang trong độ tuổi phát triển đang cần sự quan tâm, chăm sóc, yêu thương và bảo vệ của người thân, trên thực tế sau khi vợ chồng

sống ly thân các con chung đang ở cùng chị N, do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tại thời điểm giải quyết ly hôn các con chung đã đủ 07 tuổi trở lên, ghi nhận nguyện vọng của các con chung đều mong muốn được ở với chị N, tại thời điểm giải quyết vụ án anh Vi Văn D đang trong thời gian phải chấp hành án phạt tù tại trại giam Đ nên không đủ điều kiện để giao chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó để tạo sự gần gũi về mặt tâm lý, tình cảm gia đình, phù hợp với nguyện vọng của các con chung và điều kiện thực tế khả năng về đảm bảo thời gian, nơi ở, sức khỏe lao động và thu nhập ổn định để đảm bảo được việc chăm sóc, nuôi con chung, cũng như không làm xáo trộn môi trường sinh sống, học tập hiện tại của các con chung, xét thấy việc tiếp tục giao các con chung cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Vi Văn D là phù hợp.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lô Thị N và anh Vi Văn D đều có ý kiến trình bày hai bên không có tranh chấp gì đối với phần tài sản và nợ chung của vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết, xét thấy yêu cầu của các đương sự không nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba hay thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với tài sản chung của vợ chồng chưa giải quyết (nếu có) nếu xảy ra tranh chấp về sau, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lô Thị Năm, xử:

1. Chị Lô Thị N được ly hôn anh Vi Văn D.

2. Về con chung: Giao hai người con chung là Vi Văn K, sinh ngày 02/9/2013 và Vi Khánh P, sinh ngày 11/5/2016 cho chị Lô Thị Năm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Vi Văn D.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ

theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

3. Về án phí: Chị Lô Thị N chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0009818 ngày 26/02/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Châu;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Châu;
- UBND xã N, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hà Văn Đông